TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật ô tô**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**
Thời gian đào tạo: **4 năm**
Văn bằng: **Kỹ sư**
Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**
Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **152**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
CB70107	Hiểu biết về DNTU (*)	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI (*)	1	15	15	0
TA70301	Key English 1 (*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community (*)	2	30	30	0
CT70113	Vật liệu cơ khí	2	30	30	0
OT70002	Nhập môn ngành CNKT ô tô	1	15	15	0
HỌC KỲ 2: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19 tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0

CB70202	Toán Cao cấp	3	45	45	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CT70102	Vẽ kỹ thuật	2	30	30	0
CT70106	Kỹ thuật điện	2	45	15	30
OT70003	Kết cấu động cơ đốt trong	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
CB70411	Bơi lội (*)	1	30		30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71201	Phương pháp tính	2	30	30	0
CB71202	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	2	30	30	0
Giáo dục thể chất (chọn 2/8 môn – 2TC) *					
CB71412	Bóng đá	1	30		30
CB71403	Bóng chuyền	1	30		30
CB71404	Cầu lông	1	30		30
CB71410	Pickleball	1	30		30
CB71413	Fitness	1	30		30
CB71406	Dancesport	1	30		30
CB71407	Bóng rổ	1	30		30
CB71414	Võ thuật	1	30		30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp & Tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0

CB70203	Vật lý	3	45	45	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CT70105	Cơ lý thuyết	3	45	45	0
OT70005	Nguyên lý động cơ đốt trong	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70307	Kỹ năng phòng tránh tai nạn công nghiệp	2	30	30	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CT70165	Thực hành gò hàn	1	30	0	30
CT70111	Điện tử cơ bản	2	30	30	0
CT70112	Sức bền vật liệu	2	30	30	0
OT70048	Thực hành động cơ đốt trong	3	90	0	90
OT70004	Kết cấu khung - gầm ô tô	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17 tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0

CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
CT70166	Chi tiết máy	2	30	30	0
OT70040	Hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô	3	45	45	0
OT70051	Thực hành khung - gầm ô tô	3	90	0	90
OT70049	Thực hành lái xe ô tô	1	30	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)		**6**			
CT70109	Dung sai kỹ thuật đo	2	30	30	0
CT70162	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	2	30	0
CT70104	AutoCAD	2	60	0	60
CT71251	Tự động hóa quá trình sản xuất	2	30	30	0
DT71235	Vi xử lý	2	45	15	30
CT71118	Công nghệ kim loại	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc:13, tự chọn: 8)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
OT70041	Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ trên Ô tô	3	45	45	0
OT70010	Lý thuyết Ô tô	3	45	45	0
OT70050	Thực hành hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô	3	90	0	60
CB70309	Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo	2	30	30	0
OT70047	Trí tuệ nhân tạo ứng dụng ngành ô tô	2	45	15	30
Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)		**8**			
OT71040	Thực hành động cơ Diesel	2	60	0	60
OT71041	Thực hành động cơ xăng	2	60	0	60
OT71005	Tính Toán kết cấu động cơ đốt trong	2	30	30	0

OT71030	Ứng dụng phần mềm SolidWorks vào thiết kế ô tô	2	60	0	60
OT71009	Hệ thống khí nén thủy lực	2	45	15	30
OT71050	Quản lý chất lượng trong sản xuất	2	30	30	0
OT71038	Hệ thống tiện nghi	2	45	15	30
OT71052	Thực hành hệ thống lái trợ lực điện	2	60	0	60
HỌC KỲ 7: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12 tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**12**			
DT70219	Máy điện và điện tử công suất	3	60	30	30
OT70014	Đồ án học phần động cơ đốt trong	1	15	15	0
OT70016	Tính toán kết cấu ô tô	2	30	30	0
OT70017	Ô tô điện	2	45	15	30
OT70018	Xe Hybrid	2	45	15	30
OT70019	Thực hành hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 15 trong 10 học phần)		**10**			
OT71007	Hệ thống quản lý pin và sạc trên xe điện	2	45	15	30
OT71033	Chẩn đoán ô tô	3	90	0	90
OT71013	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	30	30	0
OT71032	Hộp số tự động	2	60	0	60
OT71016	Năng lượng mới và quản lý năng lượng trên ô tô	2	30	30	0
OT71051	Thực hành bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	3	90	0	90
OT71043	Thực hành kỹ thuật mô tô - xe máy	1	30	0	30
OT71044	Thực hành thân vỏ xe	1	30	0	30
OT71036	Ứng dụng phần mềm trong tính toán mô phỏng ô tô	2	60	0	60
OT71034	Thiết kế mạch điện tử trên ô tô	2	60	0	60
HỌC KỲ 8: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 01)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***8***			
OT70052	Thực tập tốt nghiệp	8	480	0	0
Khóa luận tốt nghiệp		***10***			
OT70043	Khóa luận tốt nghiệp	10	135	15	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***10***			
OT70046	Đồ án tốt nghiệp	4	120	0	120
OT70045	Điện - điện tử ô tô nâng cao	3	90	0	90
OT70044	Quản lý dịch vụ và kinh doanh ô tô	3	45	45	0